



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Thông tin Công ty: Công ty Cổ phần One Capital Hospitality

- Mã chứng khoán: **OCH**
- Trụ sở chính: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Văn phòng đại diện: Tầng 3, Tòa nhà Grandeur Palace – Giảng Võ, 138B Giảng Võ, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 37830101 Fax: 024. 37830202
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Đình Quang
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 23, tòa nhà Leadvisors Tower, số 643 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 37830101
- Loại thông tin công bố:
 24 giờ Bất thường khác Theo yêu cầu Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Trích lục Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 58.1/2022/NK19-24/NQ-HĐQT-OCH ngày 21 tháng 9 năm 2022.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty ngày 21/09/2022 tại website Công ty OCH theo đường dẫn: <http://och.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. *Forz*

Nơi nhận:

- Như Kg;
- Lưu HC.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ ĐÌNH QUANG

BẢN TRÍCH LỤC
NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số .../2022/NK19-24/NQ-HĐQT-OCH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần One Capital Hospitality;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số: 581/2022/NK19-24/BB-HĐQT-OCH ngày 24/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần One Capital Hospitality;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số: 581/2022/NK19-24/NQ-HĐQT-OCH ngày 24/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần One Capital Hospitality;

QUYẾT NGHỊ:

.....
Điều 1: Thông qua đề xuất tại Tờ trình về việc Phê duyệt và Ban hành các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty: Công bố thông tin; Sơ đồ tổ chức Công ty.

- Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành Quy chế công bố thông tin; Sơ đồ tổ chức Công ty.
(Chi tiết theo tài liệu đính kèm)

.....
Điều 4: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các phòng ban trong Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *Phong*

Nơi nhận:

- TV.HĐQT, BGD (t/hiện);
- BKS (t/báo);
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

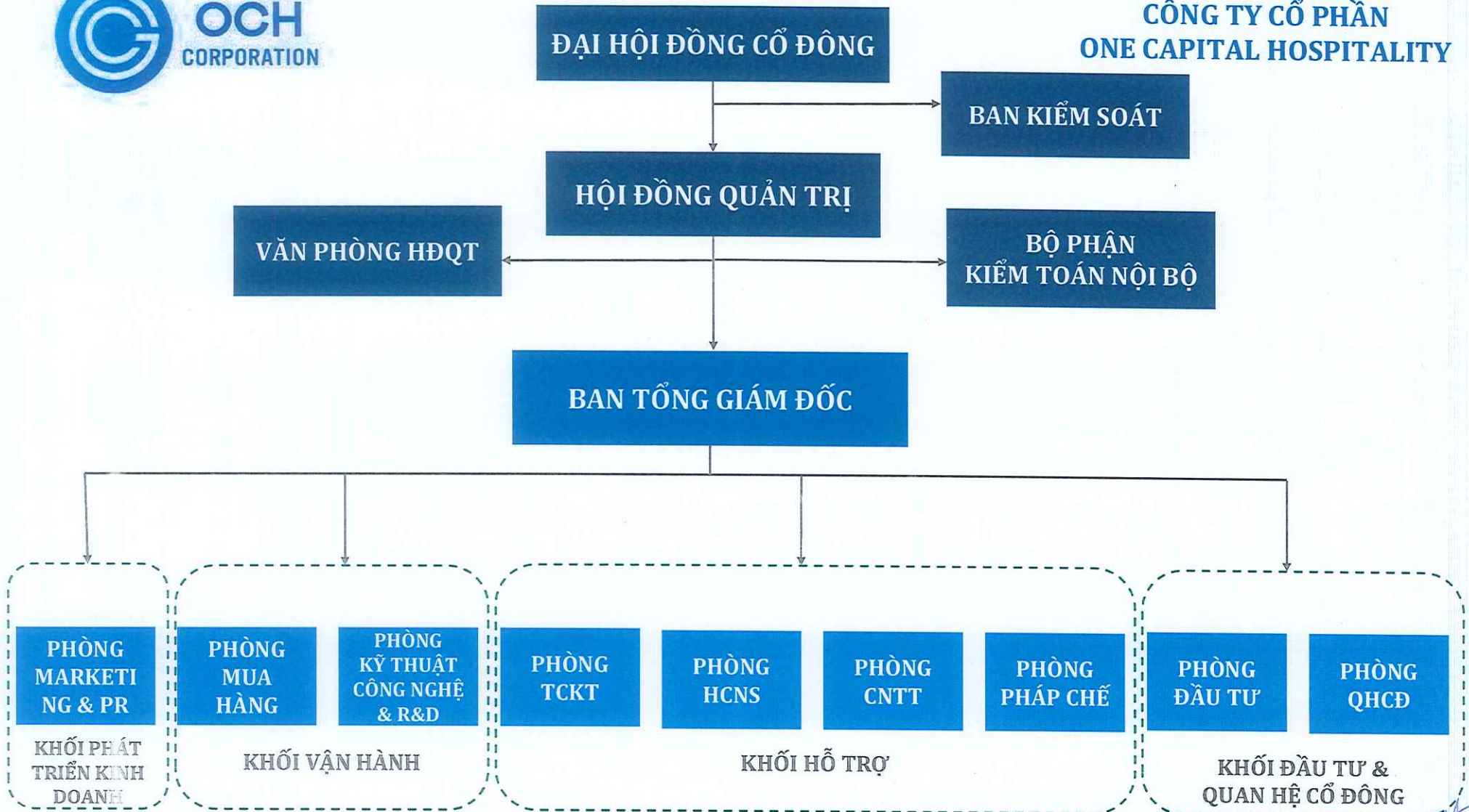
CHỦ TỊCH



Phong
NGUYỄN THU HẰNG



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ONE CAPITAL HOSPITALITY**



Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2022

**PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Chu Hằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

Hà Nội, ngày 21. tháng 3. năm 2022



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

UBCKNN/SSC	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCKHN/HNX	: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
TCTLKVBTKVN/VSD	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
CBTT	: Công bố thông tin
Công ty	: Công ty Cổ phần One Capital Hospitality
BCTC	: Báo cáo tài chính

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	2
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng.....	5
Điều 2: Giải thích từ ngữ.....	5
Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin	6
Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin.....	7
Điều 5: Phương tiện công bố thông tin.....	8
Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin.....	9
CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.....	9
Điều 7: Công bố thông tin định kỳ	9
Điều 8: Công bố thông tin bất thường	12
Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu	15
Điều 10: Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp	16
Điều 11: Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp	16
Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu.....	17
Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ	17
CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	18
Điều 14: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.....	18
Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.....	19
Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ	19
Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	20
CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH.....	21
Điều 18: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm.....	21
Điều 19: Hiệu lực thi hành	21

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ONE CAPITAL HOSPITALITY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/2022/QĐ-HĐQT ngày ... tháng.... năm 2022
của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality)*

Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality được xây dựng trên các cơ sở các quy định pháp lý sau:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“**Thông tư 96**”);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (“**Thông tư 118**”);
- Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Công ty.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1. Quy chế Công bố thông tin này (Sau đây gọi tắt là “Quy chế”) quy định về nghĩa vụ Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các cơ sở pháp lý nêu trên; về phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị, phòng ban, cá nhân có liên quan của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality.
- 1.2. Đối tượng áp dụng:
 - a) Công ty Cổ phần One Capital Hospitality, viết tắt là “Công ty”;
 - b) Người nội bộ của Công ty;
 - c) Người có liên quan của người nội bộ của Công ty;
 - d) Đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan khác với Công ty;
 - e) Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT có liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu Công ty.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT được quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư 96;
- 2.2. Người nội bộ của Công ty là những cá nhân được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;
- 2.3. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;
- 2.4. Ngày CBTT là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này;
- 2.5. Ngày báo cáo về việc CBTT là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy vào thời điểm nào đến trước.
- 2.6. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ (nếu có);
- 2.7. Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán cho Công ty là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
- 2.8. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
 - a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

- c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSD;
 - d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSD và không thực hiện qua SGDCK.
- 2.9 Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
- 2.10. Người thực hiện CBTT: là Người đại diện pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.
- Các từ ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này được hiểu và giải thích theo Điều lệ, các quy định nội bộ có liên quan của Công ty Cổ phần One Capital Hospitality và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 3: Nguyên tắc công bố thông tin

- 3.1. Việc CBTT của Công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm:
- a) Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi thông tin đã công bố trước đó;
 - b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng CBTT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;
 - c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện

thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

- 3.2. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện CBTT.
- 3.3. Việc CBTT thực hiện theo đúng mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định tại Thông tư 96, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Từ ngữ sử dụng trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông hay nhà đầu tư.
- 3.4. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty nêu rõ thông tin thay đổi và lý do thay đổi và gửi kèm công văn thông tin đính chính.
- 3.5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;
 - b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu trữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT trong tối thiểu 05 năm.
- 3.6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên website của Công ty là tiếng Việt.

Điều 4: Người thực hiện công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT theo các quy định của pháp luật, đồng thời được quy định chi tiết tại Điều 4 Quy chế này như sau:

- 4.1. Người CBTT của Công ty là Người đại diện theo pháp luật, là người có thẩm quyền cao nhất và chịu mọi trách nhiệm liên quan đến việc CBTT của Công ty.
 - a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể ủy quyền bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục I - Thông tư 96 cho Người được ủy quyền CBTT.
 - b) Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì đại diện khác thuộc Ban Điều hành của Công ty nhận ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.
 - c) Công ty thực hiện đăng ký/đăng ký lại Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền CBTT được ủy quyền, kèm với Bản cung cấp thông tin của những người này

theo Phụ lục III - Thông tư 96 cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

- 4.2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho một tổ chức (Công ty chứng khoán, Công ty đại chúng, TTLKCK, tổ chức khác) hoặc một cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT như sau:
- a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ CBTT, trong lần CBTT đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho UBCKNN và SGDCK Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục III - Thông tư 96 và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin;
 - b) Trường hợp ủy quyền CBTT, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về CBTT do Người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền CBTT về những nội dung cần phải CBTT theo quy định pháp luật;
 - c) Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại Người được ủy quyền CBTT theo Phụ lục II - Thông tư 96 cùng Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó và của Người được ủy quyền CBTT theo Phụ lục III - Thông tư 96 cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 5: Phương tiện công bố thông tin

5.1. Các phương tiện CBTT được Công ty áp dụng bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử của Công ty (website);
- b) Hệ thống CBTT của UBCKNN (IDS Plus);
- c) Hệ thống CBTT của SGDCK Hà Nội (Cims.hnx.vn);
- d) Trang thông tin điện tử của TTLKCK Việt Nam;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Công ty lập trang thông tin điện tử (website) và cập nhật các thông tin công bố theo quy định trên website như sau:

- a) Công ty báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ website và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập hoặc ngày thay đổi về địa chỉ website này.

Website hiện hành của Công ty: <http://och.vn/>

- b) Website của Công ty phải có các nội dung về ngành nghề kinh doanh và các nội dung phải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ công đồng/nhà đầu tư, trong đó phải công bố đầy đủ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật.

- c) Website của Công ty phải hiển thị thời gian, đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên website này.
- 5.3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên website của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin

- 6.1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn trong các trường hợp bất khả kháng. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDC về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- 6.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố các thông tin tạm hoãn trước đó theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 7: Công bố thông tin định kỳ

- 7.1. BCTC năm: Công ty công bố BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo nguyên tắc sau:
- a) BCTC bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
- Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của một tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm của riêng Công ty và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - Trường hợp Công ty là doanh nghiệp cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố BCTC năm của riêng Công ty và BCTC năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm tổng hợp và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
- b) Toàn văn BCTC năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập đối với BCTC đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC, Công ty phải công bố BCTC năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.
- c) Công ty công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 7.2. BCTC bán niên. Công ty công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo nguyên tắc sau:

- a) BCTC bán niên là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại Điểm a, Khoản 7.1 Điều này. BCTC bán niên phải được soát xét theo chuẩn mực về công tác soát xét BCTC.

Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

- b) Công ty công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

- 7.3. BCTC quý: Công ty công bố BCTC quý hoặc công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) theo nguyên tắc sau:

- a) BCTC quý là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ” được lập theo quy định tại Điểm a, Khoản 7.1 Điều này.

Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét (nếu có) có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

- b) Công ty công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp, Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.

- 7.4. Khi CBTT các BCTC nêu tại Khoản 7.1, 7.2, 7.3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong số các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

- 7.5. Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 7.4 Điều này, để được công bố đồng thời với (các) BCTC định kỳ của Công ty.
- 7.6. Báo cáo thường niên.
Công ty lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục IV - Thông tư 96 và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.
- 7.7. Báo cáo tình hình quản trị công ty.
Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty lập Báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục V - Thông tư 96. Đối với SGDCK, gửi thêm một (01) bản chính nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 Quy chế này. Thời hạn CBTT Báo cáo tình hình quản trị Công ty chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- 7.8. Công ty gửi kèm bản dữ liệu điện tử Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty theo mẫu 09 - CBTT/SGDHN và Báo cáo cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch theo mẫu 01 - CBTT/SGDHN gửi đến SGDCK.
Thời hạn gửi:
- Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới SGDCK chậm nhất ngày 30/7;
- Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất ngày 30/01 năm tiếp theo.
- 7.9. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
a) Trường hợp lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải CBTT tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên website của Công ty và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:
- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Thông báo ứng cử đề cử, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên nếu đã xác định trước trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

- c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội theo quy định tại khoản 7.9 Điều này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.
- d) Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại Điểm c, Khoản 8.1, Điều 8 Quy chế này.

7.10. Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn

Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, giao dịch chứng khoán.

7.11. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty CBTT về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

7.12 Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 8: Công bố thông tin bất thường

8.1. Công ty CBTT bất thường (nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)) trong thời gian 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ

- sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
- Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Công ty), giải thể Công ty; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký; tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết; Đối với SGDC, Công ty sử dụng Mẫu 06/- CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế CBTT tại HNX trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định;
- i) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- j) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công ty là Công ty mẹ);
- k) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);

- l) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;
- m) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:
- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;
Đối với SGDCK, thực hiện công bố theo Mẫu 07 - CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế CBTT tại HNX.
- n) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ;
- Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III - Thông tư 96;
 - Đối với SGDCK, Công ty gửi kèm Mẫu 02 - CBTT/SGDHN và Mẫu 03 - CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế CBTT HNX và gửi kèm quyết định thay đổi nhân sự trong vòng 24h kể từ khi ban hành quyết định.
- o) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ thì căn cứ vào BCTC hợp nhất;
- p) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- q) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- s) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- t) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;

- u) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.
- 8.2. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a) Việc công bố thông tin về Đại hội cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 7.9 Điều 7 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
- 8.3. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:
- a) Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu, căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện (các) quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, đồng thời báo cáo cho SGDCK và UBCKNN, và thực hiện CBTT chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến; trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 7.9 Điều 7 Quy chế này.
 - b) Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời CBTT về việc hủy nội dung thông báo.
- 8.4. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu

- 9.1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty CBTT trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK:
- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán cần phải xác nhận thông tin đó.
 - c) Báo cáo, công bố, giải trình thông tin liên quan đến biến động giá cổ phiếu trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi giá cổ phiếu của Công ty tăng trần hoặc giảm sàn từ năm (05) phiên liên tiếp trở lên.
 - d) Các trường hợp khác theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- 9.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10: Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Trường hợp niêm yết trái phiếu doanh nghiệp, Công ty thực hiện CBTT theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này, các quy định pháp luật về CBTT của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 11: Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp

- 11.1. Trường hợp phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, Công ty thực hiện CBTT về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
- 11.2. Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu, cụ thể như sau:
- a) CBTT định kỳ về BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại Khoản 7.1 và Khoản 7.6 Điều 7 Quy chế này.

Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Công ty phải CBTT định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

- Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng BCTC năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên;
 - Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải CBTT về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
 - Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải CBTT về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.
- b) CBTT bất thường theo quy định tại Khoản 8.1 Điều 8 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có).

- c) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu.
- d) CBTT theo yêu cầu quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 12: Công bố thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

12.1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

- a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc CBTT phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 17 - Thông tư 118.
- b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc CBTT phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu mua cổ phiếu hoặc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 18 - Thông tư 118.

12.2. Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và CBTT ra công chúng theo thời hạn như sau:

- a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 28 - Thông tư 118.
- b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động theo mẫu tại Phụ lục số 29 - Thông tư 118.

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình, nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

12.3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung với SGDCK đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

Điều 13: Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

13.1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải CBTT trên phương tiện thông tin đại chúng theo mẫu tại Phụ lục số 36 - Thông tư 118. Giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ được thực hiện ít nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty thực hiện CBTT.

- 13.2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và CBTT ra công chúng theo mẫu tại Phụ lục số 39 - Thông tư 118.
- Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.
- 13.3. Công ty khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ phải thực hiện CBTT trên phương tiện CBTT của SGDCK. Nội dung và thời điểm CBTT theo Khoản 13.1, 13.2 Điều này.
- 13.4. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14: Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

- 14.1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII - Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn..
- 14.2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII - Thông tư 96.
- 14.3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 14.1 và Khoản 14.2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 2.8 Điều 2 Quy chế này.
- 14.4. Quy định tại Khoản 14.1, 14.2 và 14.3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X - Thông tư 96 căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ.
- 14.5. Quy định tại Khoản 14.1, 14.2, 14.3 và 14.4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
- 14.6. Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15: Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

- 15.1. Chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch, cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật phải gửi báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và Công ty về việc thực hiện giao dịch theo Phụ lục XI - Thông tư 96. Trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển nhượng nêu trên.
- 15.2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông sáng lập phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và Công ty về kết quả thực hiện giao dịch đồng thời giải trình lý do không thực hiện giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo Phụ lục XII - Thông tư 96.
- 15.3. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông sáng lập theo quy định tại Điều này, Công ty công bố trên website của Công ty.

Điều 16: Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

- 16.1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV - Thông tư 96;
 - b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
 - c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

- d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
 - e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI - Thông tư 96;
 - f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- 16.2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Khoản 16.1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.
- 16.3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định tại Khoản 16.1, 16.2 Điều này.
- 16.4. Trường hợp Công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty của Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- 16.5. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên website của Công ty.

Điều 17: Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

- 17.1. Cá nhân, tổ chức khi đăng ký chào mua công khai phải đính kèm hồ sơ Bản CBTT chào mua công khai theo mẫu tại Phụ lục số 20 - Thông tư 118.
- 17.2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời CBTT về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của SGDCK trong trường hợp cổ phiếu được chào mua công khai được niêm yết trên SGDCK.

17.3. Báo cáo kết quả chào mua công khai được lập theo mẫu tại Phụ lục số 21 - Thông tư 118.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 18: Tổ chức thực hiện – Xử lý vi phạm

- 18.1 Quy chế này được đăng tải trên website của Công ty và phổ biến đến đơn vị trực thuộc, chi nhánh, Công ty con, các phòng ban và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.
- 18.2 Trường hợp đơn vị, cá nhân thuộc quản lý của Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy mức độ, tính chất, mức độ vi phạm sẽ chịu các hình thức xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp vi phạm Quy chế này và gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- 18.3 Trong trường hợp Công ty bị nhắc nhở hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về CBTT trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, tùy theo mức độ vi phạm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Tổng Giám đốc Công ty tiến hành xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ tài chính của người đó theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính.
- 18.4 Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện CBTT trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 19: Hiệu lực thi hành

- 19.1 Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị công ty tiến hành soát xét, ký quyết định ban hành nhằm đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác CBTT và/hoặc cập nhật các thay đổi của Pháp luật.
- 19.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động CBTT của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thu Hằng

